

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu Mua sắm bổ sung thuốc cho Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng Quý III năm 2024

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN UNG BƯỚU ĐÀ NẴNG

Căn cứ Quyết định số 5898/QĐ-UBND ngày 15/8/2015 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc thành lập Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng trực thuộc Sở Y tế thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 06 năm 2023 của Quốc Hội;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 07/2024/TT-BYT ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ kết luận cuộc họp của Hội đồng thuốc và điều trị của Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng số 1008/BB-BVUBND ngày 25/07/2024 về việc thống nhất Mua sắm bổ sung thuốc cho Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng Quý III năm 2024;

Căn cứ Biên bản hoàn thiện hợp đồng của Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng ngày 26/07/2024 với các công ty đề nghị trúng thầu;

Theo đề nghị của Trưởng khoa Dược tại Tờ trình số 21/TTr-KD ngày 26/07/2024 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Mua sắm bổ sung thuốc cho Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng Quý III năm 2024,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:

- Tên gói thầu:** Mua sắm bổ sung thuốc cho Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng Quý III năm 2024.
- Cơ quan thực hiện mua sắm:** Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu:** Chỉ định thầu rút gọn.
- Tên nhà thầu chỉ định trúng thầu:**

STT	Tên công ty	Số mặt hàng	Số tiền (đồng)
1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm	03	22.197.700
2	Công ty Cổ phần Gonsa	01	4.710.000
3	Công ty TNHH Anh Nguyên Đức	01	4.588.000
4	Công ty Cổ phần TMDV Thăng Long	01	3.187.800
5	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	01	11.136.000
6	Công ty Cổ phần Dược Danapha	01	2.525.000
7	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương - Chi nhánh miền Trung	01	1.600.000
TỔNG CỘNG: 09 KHOẢN			49.944.500

(Bằng chữ: Bốn mươi chín triệu, chín trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm đồng chẵn)

Tên mặt hàng trúng thầu cụ thể theo phụ lục đính kèm.

5. Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

6. Thời gian thực hiện hợp đồng: 06 tháng kể từ khi hợp đồng có hiệu lực.

7. Nguồn kinh phí: Từ nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, nguồn thu do cơ quan Bảo hiểm xã hội thanh toán và nguồn thu hợp pháp khác theo quy định.

Điều 2: Căn cứ kết quả lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt, khoa Dược phối hợp với Phòng Tài chính kế toán thông báo kết quả này đến nhà thầu trúng thầu. Khoa Dược và Phòng Tài chính kế toán có trách nhiệm hoàn thiện, trình chủ đầu tư ký kết hợp đồng.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Khoa Dược, phòng TCKT bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng, nhà thầu trúng thầu và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, KD, TCKT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Hùng

PHỤ LỤC

DANH MỤC MUA SẮM BỔ SUNG THUỐC CHO BỆNH VIỆN UNG BƯỞU ĐÀ NẴNG QUÝ III NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 628/QĐ-BVUBĐN ngày 29 /07/2024)

STT	Tên hoạt chất/thành phần	Tên thuốc	NĐ/HL	SĐK/GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
22,197,700														
1. Công ty CPDP Agimexpharm														
1	Simethicon	Doagithicon	2g-30ml	VD-33145-19	Uống	Nhũ tương uống	CN Cty CP DP Agimexpharm - NMSXDP Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 1 chai 30ml	Chai	4	24,990	230	5,747,700
2	Nystatin	Nystatab	500.000 UI	893110356723 (VD-24708-16)	Uống	Viên nén bao phim	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Viên	4	650	3,000	1,950,000
3	Povidon iodin	Povidone	Mỗi chai 20ml chứa Povidon iod 2gam	893100041923 (VD-17882-12)	Dùng ngoài	Dung dịch dùng ngoài	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Chai 130ml	Chai	4	14,500	1,000	14,500,000
4,710,000														
2. Công ty Cổ phần Gonsa														
4	Nor-epinephrin (Nor-adrenalin)	Norepinephrin Kabi 1mg/ml	1mg/1ml	VD-36179-22	Tiêm	Dung dịch tiêm	Công ty CP Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Hộp 10 ống x 1ml	Ống	4	15,700	300	4,710,000
4,588,000														
3. Công ty TNHH Anh Nguyên Đức														
5	Bacillus subtilis	Biosubtyl-II	10 ⁷ -10 ⁸ CFU/250 mg	QLSP-856-15 (gia hạn giấy ĐKLH theo QĐ số 505/QĐ-QLD ngày 26/08/2021)	Uống	Viên nang	Công ty CP Vắc xin và sinh phẩm Nha Trang	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	4	1,480	3,100	4,588,000
3,187,800														
4. Công ty Cổ phần TMDV Thăng														
6	Kali clorid	Kali clorid	500 mg	VD-33359-19	Uống	Viên	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm 2/9	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	4	693	4,600	3,187,800

STT	Tên hoạt chất/thành phần	Tên thuốc	NĐ/HL	SDK/GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
5. Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1														11,136,000
7	Succinylated Gelatin (Modified fluid gelatin) + Sodium clorid + Sodium hydroxid	Gelofusine (20g + 3,505g + 0,68g)/500ml	20g + 3,505g + 0,68g/500ml	955110002024 (VN-20882-18)	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	B.Braun Medical Industries Sdn. Bhd.	Malaysia	Hộp 10 chai plastic 500ml	Chai	5	116,000	96	11,136,000
6. Công ty Cổ phần Dược Danapha														2,525,000
8	Allopurinol	Darinol	300mg	VD-28788-18. Gia hạn đến 31/12/2024. Số QĐ 136/QĐ-QLD	Uống	Viên nén	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Viên	2	505	5,000	2,525,000
7. Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương - Chi nhánh miền Trung														1,600,000
9	Hydrogen peroxid	Nước Oxy già 3%	3% 50ml	VD-32104-19	Dùng ngoài	Dung dịch dùng ngoài	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	Chai 50ml	Chai	4	1,600	1,000	1,600,000
TỔNG CỘNG: 09 KHOẢN														49,944,500